TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 29 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngộ.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST- DS, ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1986 "có mặt".

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961 "có mặt".

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu C và bị đơn là bà Nguyễn Thị N cùng trình bày:

Bà N làm chủ hụi, chị C là thành viên, chị C tham gia các dây hụi của bà N cụ thể như sau:

- Vào ngày 10/6/2020 bà N làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 26 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 02 phần, khi chị C góp được 14 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 3.800.000 đồng/01 phần, như vậy 14 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 106.400.000 đồng (3.800.000 đồng x 02 phần x 14 kỳ).

- Vào ngày 20/6/2020 bà N làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 27 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 02 phần, khi chị C góp được 14 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 2.500.000 đồng/01 phần, như vậy 14 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 70.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 02 phần x 14 kỳ).

- Vào ngày 25/9/2020 bà N làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 26 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 02 phần, khi chị C góp được 11 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 2.500.000 đồng/01 phần, như vậy 11 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 55.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 02 phần x 11 kỳ).

- Vào ngày 30/9/2020 bà N làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 27 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 03 phần, khi chị C góp được 11 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 2.500.000 đồng/01 phần, như vậy 11 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 82.500.000 đồng (2.500.000 đồng x 03 phần x 11 kỳ).

- Vào ngày 06/02/2021 bà N làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 26 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 02 phần, khi chị C góp được 06 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 3.800.000 đồng/01 phần, như vậy 06 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 45.600.000 đồng (3.800.000 đồng x 02 phần x 06 kỳ).

- Vào ngày 19/02/2021 bà N có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 26 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 04 phần, khi chị C góp được 06 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 1.600.000 đồng/01 phần, như vậy 06 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 38.400.000 đồng (1.600.000 đồng x 04 phần x 06 kỳ).

- Vào ngày 15/5/2021 bà N có làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 26 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 05 phần, khi chị C góp được 03 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 2.500.000 đồng/01 phần, như vậy 03 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 37.500.000 đồng (2.500.000 đồng x 05 phần x 03 kỳ).

- Vào ngày 20/5/2021 bà N có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, có 29 thành viên, trong dây hụi này chị C tham gia 06 phần, khi chị C góp được 03 kỳ thì bà N tuyên bố vỡ hụi nên ngưng khui. Chị C góp bình quân mỗi kỳ là 800.000 đồng/01 phần, như vậy 03 kỳ chị C đã góp cho bà N số tiền là 14.400.000 đồng (800.000 đồng x 06 phần x 03 kỳ).

Như vậy, 08 dây hụi trên chị C đã góp cho bà N tổng số tiền hụi gốc là 449.800.000 đồng. Từ đó đến nay bà N chưa hoàn trả số tiền nào cho chị C.

* Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền hụi gốc mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng, không tính lãi. Chị C yêu cầu bà N trả đủ trong thời hạn 01 tháng.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N thống nhất hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu C số tiền hụi gốc mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng, không tính lãi, nhưng bà N yêu cầu được trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu C yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền hụi gốc mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng, bà N thừa nhận còn nợ chị C số tiền hụi là 449.800.000 đồng và thống nhất hoàn trả cho chị C số tiền 449.800.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, buộc bà N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền hụi là 449.800.000 đồng, không tính lãi. Riêng việc bà N yêu cầu được trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2021 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu C thì chị C kiện bà Nguyễn Thị N là bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền hụi đã góp trong hợp đồng góp hụi, nên Hội đồng xét xử xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi " theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thu C và bà Nguyễn Thị N cùng trình bày: bà N làm chủ 08 dây hụi, trong 08 dây hụi này chị C đều có tham gia và chị C đã góp cho bà N tổng số tiền hụi gốc là 449.800.000 đồng, từ đó đến nay bà N chưa hoàn trả số tiền nào cho chị C, nên đây là tình tiết chị C không phải chứng minh

theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay bà N còn nợ chị C số tiền hụi gốc là 449.800.000 đồng.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: mặc dù hợp đồng góp hụi giữa chị Nguyễn Thị Thu C và bà Nguyễn Thị N không lập thành văn bản, nhưng chị C và bà N cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà N là chủ hụi, chị C là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Chị C và bà N là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351, Điều 385 và Điều 398 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, Điều 23 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ.

[2.3] Xét về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu C yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền 449.800.000 đồng, không tính lãi:

Giữa chị Nguyễn Thị Thu C và bà Nguyễn Thị N có hợp đồng góp hụi với nhau, bà N thừa nhận hiện nay còn nợ chị C số tiền hụi gốc mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng.

Xét thấy: bà N là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không giao trả lại tiền hụi mà chị C đã góp cho bà N. Do đó, chị C yêu cầu bà N hoàn trả cho chị C số tiền hụi gốc mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số: 19/2006/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc bà N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền 449.800.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trả dần số tiền 449.800.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu C bằng cách mỗi tháng trả 15.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C, buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho chị C số tiền hụi mà chị C đã góp cho bà N là 449.800.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.992.000 đồng. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi theo

quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi, nên bà N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị Nguyễn Thị Thu C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 17.596.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 18, Điều 23 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐCP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật người cao tuổi; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu C.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu C số tiền là 449.800.000 đồng *(bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu C có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị N không thực hiện việc trả nợ thì bà N còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Thu C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 17.596.000 đồng (*mười bảy triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo